## VENTURA COLLEGE <br> 2023-2024

The following information is a guide of college courses that transfer to University of Massachusetts Global to fulfill general education requirements.

The General Education Requirements consist of 42 total units.
Further information regarding the courses below can be found in the University of Massachusetts Global Course Articulation Database (CAD).

Courses may be approved for more than one area but can only be applied towards one requirement


| Writing and Critical Thinking (1 Course from each) |  |  |
| :--- | :--- | :--- |
| ENGU 103 | Freshman Rhetoric | ENGL V01A |
| ENGU 104 | Writing About Literature | ENGL V01B, V01C <br> PHIL V05 |


| Quantitative Reasoning (1 of the equivalent courses) |  |  |
| :--- | :--- | :--- |
| MATU 103 | Applied Mathematics | MATH V40 |
| MATU 203 | Introduction to Statistics | MATH V44, PSY V04 |
|  <br> MATU 207 | Mathematics for Elementary School <br> Teachers I \& Mathematics for <br> Elementary School Teachers II |  |


| Oral Communication (1 of the equivalent courses) |  |  |
| :--- | :--- | :--- |
| COMU 101 | Public Speaking I | COMM V01 |
| COMU 110 | Interpersonal Communication | COMM V15 |
| COMU 315 | Intercultural Communication | COMM V12 |
| COMU 410 | Organizational Communication | BUS V45 |

## Breadth Requirements

| Humanities (3 courses from 3 different areas totaling 9 credits) |  |
| :--- | :--- |
| Communications <br> Subject Codes: COMU | COMM V01*, V02, V03, V10, V12*, V15*, V16 |


| Humanities ( 3 courses from 3 different areas totaling 9 credits) |  |
| :---: | :---: |
|  | *Cannot double count with Basic Skills requirement |
| English <br> Subject Codes: ENGU | $\begin{aligned} & \text { ENGL V10, V14, V15, V16, V18, V21A, V21B, V22A, } \\ & \text { V22B, V23, V26, V30, V31, V33, V34, V35, V36 } \end{aligned}$ |
| Fine Arts <br> Subject Codes: ARTU, MUSU, THDU, FAUU, FTVU Must be 2 semester units or greater | AES V10, V65, V66, V67 <br> ART V01, V02A, V02B, V02D, V03, V04, V05, V06, V07, <br> V08, V09, V09A, V09B <br> COMM V05 <br> DANC V01, V02 <br> ENGL V29A, V29B <br> FILM V01, V10, V11, V12, V29A, V29B <br> MUS V01, V03, V06, V07, V08, V09A, V09B <br> PHOT V07 <br> THA V01, V17A, V17B, V28, V29A, V29B |
| Foreign Language <br> Subject Codes: FLUU, SPNU, GERU, FRNU | ASL V01, V01 <br> FREN V01, V02 <br> GERM V01, V02 <br> ITAL V01, V02 <br> JAPN V01, V02 <br> SPAN V01, V02, V03, V03S, V04, V04S |
| Humanities <br> Subject Codes: HUMU | No Comparable Course(s) |
| Liberal Studies <br> Subject Codes: LBSU <br> Excludes LBSU 300 | No Comparable Course(s) |
| Philosophy <br> Subject Codes: PHLU | PHIL V01, V02, V04, V05*, V06A, V06B, V10 *Cannot double count with Basic Skills Requirement |
| Religious Studies Subject Codes: RELU | PHIL V03A, V03B, V09, V12, V14, V15 |

## Natural Sciences ( 2 courses, totaling 6 credits)

| Natural Science <br> Lab credit is not required. | ANAT V01 |
| :---: | :---: |
|  | ANPH V01 |
|  | ANTH V01, V01L, V35, V35L |
|  | AST V01, V01L |
|  | $\begin{aligned} & \text { BIOL V01, V01L, V03, V04, V10, V12, V18, V23, V29, } \\ & \text { V29L } \end{aligned}$ |
|  | CHEM V01A, V01AL, V01B, V01BL, V12A, V12AL, V12B, V12BL, V20, V20L, V21, V21L, V30, V30L |
|  | ESRM V01, V02, V10 |
| Subject Codes: BIOU, CHMU, ESCU, FSNU, LPSU, LSCU, NSCU, PSCU, PHYU | GEOG V01, V01L, V05, V06 |
|  | GEOL V02, V02L, V03, V03L, V07, V09, V11, V21 |
|  | HED V87 |
|  | MICR V01 |
|  | PHSC V01 |
|  | PHYS V01, V02A, V02AL, V02B, V02BL, V03A, V03AL, V03B, V03BL, V04, V04L, V05, V05L, V06, V06L |
|  | PHSO V01 |


| Social Sciences (3 courses from 3 different areas totaling 9 credits) |  |
| :---: | :---: |
| Criminal Justice <br> Subject Code: CJCU | CJ V01, V02, V03, V19, V25, V27, V28, V30, V49 |
| Early Childhood Education Subject Code: ECEU | ```CD V02, V04, V05, V10, V20, V22, V24, V27, V61, V62, V63 EDU V08, V09, V10``` |
| Economics <br> Subject Code: ECNU | ECON V01A, V01B |
| History <br> Subject Code: HISU | AES V02A, V02B, V21A, V21B, V22, V40A, V40B, V41, V42A, V42B, V47, V63 <br> HIST V13, V16, V32, V43, V44, V45, V46, V47, V48, V50, V51, V53, V54, V55, V56, V57, V58, V59, V70, V73, V76, V78, V79, V82, V83, V86, V87 |
| Legal Studies <br> Subject Code: LEST | No Comparable Course(s) |
| Marketing Subject Code: MKTU | BUS V46 |
| Organizational Leadership Subject Code: OLCU | BUS V31, V40 |
| Political Science <br> Subject Code: POSU | ESRM V03 <br> POLS V01, V02, V03, V04, V05, V09, V10, V11, V12, V14, V17, V18 |
| Psychology <br> Subject Code: PSYU | CD V03 <br> PSY V01, V102, V03, V05, V07, V15, V25, V29, V30, V31, |


| Social Sciences (3 courses from 3 different areas totaling 9 credits) |  |
| :--- | :--- |
|  | $\begin{array}{l}\text { V32 } \\ \text { SOC V31 }\end{array}$ |
| $\begin{array}{l}\text { Social Science } \\ \text { Subject Code: SSCU }\end{array}$ | $\begin{array}{l}\text { AES V01, V03, V20, V23, V71, V72 } \\ \text { ANTH V03, V04, V05, V06, V07, V08 } \\ \text { CHST V01, V02, V03 }\end{array}$ |
| GEOG V02, V08 |  |$\}$


| Liberal Education Foundations (6 Credits) |  |  |
| :--- | :--- | :--- |
| LBSU 302 | Information Fluency and Academic <br> Integrity | Cannot be satisfied in transfer. |
| LBSU 304 | Liberal Arts Core Foundations | Cannot be satisfied in transfer. |

These must be taken within the first two sessions after matriculation if ENGU 103 and ENGU 104 are satisfied, or within the first two sessions after those requirements are completed.

